

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

---

#### **1. Căn cứ pháp lý.**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sửa đổi, bổ sung lần thứ ba) ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

- Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát PVPower năm 2022 được Đại hội Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022.

- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của PVPower được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

- Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2022 của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định “Báo cáo Tình hình kinh doanh năm 2022” của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, kết quả thẩm định cụ thể như sau :

#### **2. Mục đích, phạm vi.**

Trên cơ sở tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của TCT, căn cứ vào kế hoạch hoạt động SXKD được ĐHĐCĐ/ PVN/ HĐQT phê duyệt, căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán, Ban Kiểm soát thực hiện so sánh, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ và các chỉ tiêu hoạt động mà TCT đã đạt được trong năm 2022.

#### **3. Nội dung thẩm định.**

Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2022 của toàn Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN - CTCP và Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực Dầu khí VN đã được Hội

đồng quản trị lập theo qui định tại điều 175 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của PV Power thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022. ĐHĐCĐ đã thông qua “Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phù hợp với tình hình đặc thù trong năm 2022, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin theo quy định”.

Nội dung thẩm định cụ thể:

- Năm 2022 Tổng công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT:

+ Đại dịch Covid-19 đã làm giảm sâu nhu cầu phụ tải toàn thị trường, ảnh hưởng đến khả năng vận hành, SXKD các NMĐ của PV Power. Mặt khác, diễn biến phức tạp của đại dịch đã ảnh hưởng đến công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy và gây khó khăn trong công tác tìm kiếm đối tác đầu tư cho các dự án của Tổng công ty.

+ Mức tăng phụ tải năm 2022 không cao 5,2% so với dự kiến 8,2%, trong khi đó NLTT đã chiếm 12,9% tổng nhu cầu phụ tải (tăng trưởng 151% so với năm 2021); làm giảm khả năng huy động nguồn của các NMĐ.

+ Năm 2022 nhiều NMĐ của PV Power ngừng sửa chữa định kỳ (NMĐ Vũng Áng 1 đại tu TM1; NMĐ Cà Mau 1 đại tu; Trung tu GT11 & ST18 NMĐ Nhơn Trạch 1...).

+ Năm 2022 tiếp tục là năm thứ 4 các NMĐ của PV Power được giao Qc thấp đã ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành sản xuất của Công ty mẹ Tổng công ty và toàn Tổng công ty. Mặt khác, Qc các nhà máy thủy điện cao về mùa khô; Sang mùa mưa Qc các NMĐ khí lại lệch pha so với khả năng cấp khí.

+ NMĐ Cà Mau 1&2 là năm đầu tiên tham gia thị trường điện nên còn rủi ro từ việc lệch pha giữa thời điểm nhận khí và thời điểm được huy động phát điện hoặc thời điểm giá điện thị trường (FMP) đạt mức cao.

+ Sự biến động của giá dầu thô thế giới đã ảnh hưởng tăng giá thành của các NMĐ của PV Power, dẫn đến khó khăn cạnh tranh tham gia vận hành thị trường điện.

+ Việc thiếu nguồn than từ mỏ dẫn đến năng lực cấp than của TKV không đáp ứng yêu cầu cho các nhà máy điện than trên khắp cả nước, bao gồm NMĐ

Vũng Áng 1 của PV Power trong 6 tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến khả năng khả dụng, vận hành và hiệu quả của NMD Vũng Áng 1 và của Tổng công ty. Từ giai đoạn tháng 5 đến cuối năm, NMD Vũng Áng 1 phải sử dụng than cám 5a10 (phối trộn) có chất bốc cao, giá cao đã ảnh hưởng đến vận hành sản xuất, tham gia thị trường điện và hiệu quả của nhà.

+ Lạm phát tăng khiến lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ tăng, giá nguyên, vật liệu sản xuất tăng làm chi phí tài chính, và các chi phí khác tăng cao.

- Trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được Tập đoàn chấp thuận và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, PV Power đã chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó với tác động của dịch bệnh covid 19, giá dầu, khí đốt, than tăng, lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ tăng, các NMD của TCT được giao Qc thấp và các yếu tố ảnh hưởng khác, nỗ lực khắc phục khó khăn, từng bước thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD được giao. Năm 2022, các chỉ tiêu về sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận toàn Tổng công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

+ Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty thực hiện năm 2022 đạt 14,2 Tỷ kWh, bằng 102% kế hoạch năm.

+ Doanh thu toàn toàn Tổng công ty năm 2022 đạt 28.790 tỷ đồng, bằng 119% KH năm và bằng 114% năm 2021. Doanh thu Công ty Mẹ năm 2022 đạt 18.237 tỷ đồng, bằng 108% KH năm và bằng 101% năm 2021.

+ Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty năm 2022 đạt 2.809 tỷ đồng, bằng 325% KH năm và bằng 120% năm 2021. Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ năm 2022 đạt 1.110 tỷ đồng, bằng 110% KH năm. Lợi nhuận sau thuế toàn Tổng công ty năm 2022 đạt 2.553 tỷ đồng, bằng 344% KH năm và bằng 124% năm 2021. LNST Công ty mẹ năm 2022 đạt 968 tỷ đồng, bằng 108% KH năm.

+ Nộp ngân sách nhà nước toàn TCT năm 2022 đạt 985 tỷ đồng, bằng 91% KH; Công ty mẹ nộp ngân sách 274 tỷ đồng đạt 46% KH.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2022 của Công ty mẹ là 3,5%, đạt 109% KH

+ Hệ số nợ/VCSH năm 2022 của công ty mẹ là 0,65 lần hoàn thành kế hoạch.

+ Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 chưa nêu việc thực hiện Kế hoạch mua sắm đầu tư của công ty mẹ. Tuy nhiên tình hình thực hiện kế hoạch mua sắm đầu tư của công ty mẹ đã được báo cáo tại Báo cáo tổng kết năm 2022. Theo đó Chỉ tiêu giá trị thực hiện đầu tư chưa hoàn thành kế hoạch (giá

trị thực hiện công tác đầu tư, chuẩn bị đầu tư và mua sắm trang thiết bị, tài sản đạt 3.211,7 tỷ đồng; Trong đó đầu tư xây dựng cơ bản là 3.171 tỷ đồng và mua sắm TTB, TSCĐ là 40,5 tỷ đồng).

- Tổng công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu được giao.

- + Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật vận hành, BDSC đảm bảo các thiết bị, tổ máy khả dụng cao. Các nhà máy điện vận hành sản xuất an toàn, ổn định, tham gia thị trường điện cạnh tranh hiệu quả ; Đảm bảo cung ứng đủ than cho vận hành sản xuất điện.

- + Thực hiện tốt, an toàn, rút ngắn tiến độ công tác BDSC thường xuyên, đột xuất và định kỳ các NMĐ.

- + Tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư/quyết toán các dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng công trình NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: Công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu dự án: đã phê duyệt kết quả LCNT gói thầu EPC, ký hợp đồng vào ngày 14/3/2022. Đến hết năm 2022, Tổng công ty đã ký tổng cộng 17/18 gói thầu Dự án, với giá trị là 22.167.054.775.692 đồng, giá trị thanh toán/tạm ứng là 2.227.800.241.250 đồng. Ngày 06/05/2022, nhà thầu kiểm toán đã phát hành báo cáo kiểm toán đợt 1 của dự án. Kịp thời san lấp bàn giao từng phần mặt bằng cho nhà thầu EPC; Cơ bản hoàn thành các thủ tục với các ngân hàng trong và ngoài nước về cấp tín dụng ECA/thương mại cho dự án.

- Nhiệm vụ chưa hoàn thành theo kế hoạch là:

- + Đối với Thủy điện Đakđrinh, công tác quyết toán còn chậm.

- + Hoàn thành ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng mua bán khí (GSA), công tác thu xếp vốn cho dự án NMĐ Nhơn Trạch 3&4

- + Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power. Việc quyết toán CPH đã được PV Power hoàn thành Báo cáo và trình lên cấp có thẩm quyền theo quy định tuy nhiên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

---

#### **1. Căn cứ pháp lý:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sửa đổi, bổ sung lần thứ ba) ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ban hành kèm theo Quyết định số 705/QĐ-ĐLĐK ngày 01/06/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

- Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát PVPower năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022.

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về Quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023.

Ban Kiểm soát Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần đã thực hiện thẩm định “Báo cáo Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị năm 2022” của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần, kết quả thẩm định cụ thể như sau:

#### **2. Nội dung thẩm định.**

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định trên cơ sở “Báo cáo của Hội đồng quản trị về Quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023”, các nội dung cụ thể như sau:

##### **2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.**

- Năm 2022 Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo/quản lý/điều hành, kiểm tra/giám sát hoạt động của Ban điều hành/đơn vị/người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị. Hội đồng quản trị

đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các kế hoạch, nghị quyết, quyết định quan trọng với các chương trình, giải pháp cụ thể và tập trung chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp (họp định kỳ theo quý/họp đột xuất) để đánh giá kết quả hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua; xem xét thông qua các đề xuất và xử lý kiến nghị của Ban điều hành liên quan đến hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các thành viên Ban kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại các phiên họp của Hội đồng quản trị. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, năm 2022 Hội đồng quản trị đã ban hành 23 Nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị luôn hỗ trợ, phối hợp với Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Tổng công ty. Việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của Hội đồng quản trị về cơ bản được triển khai kịp thời, tuân thủ phân cấp của Tổng công ty và ý kiến/yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị.

- Theo quy chế làm việc của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã xây dựng chương trình công tác trọng tâm của năm 2022. Việc chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị đối với các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã bám sát nội dung chương trình công tác trọng tâm. Việc theo dõi, đánh giá thực hiện chương trình công tác được báo cáo Hội đồng quản trị theo từng nội dung nhiệm vụ cụ thể.

- Trong năm 2022, ngoài các công việc thường xuyên/định kỳ, Hội đồng quản trị luôn sát sao, kịp thời tổ chức các phiên thảo luận/làm việc khi có phát sinh vướng mắc, khó khăn để chỉ đạo, giải quyết kịp thời các điểm nóng, nút thắt trong sản xuất kinh doanh của Tổng công

+ Công tác vận hành, bảo dưỡng sửa chữa: Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật, định mức vật tư tồn kho áp dụng cho NMD Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, NMD Cà Mau 1&2 nhằm đảm bảo vận hành tiết kiệm và hiệu quả. Các NMD của Tổng công ty vận hành an toàn trong năm 2022, công tác bảo dưỡng sửa chữa các NMD được thực hiện theo tiến độ kế hoạch, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy. Sự cố xảy ra đối với Tổ máy số 1 NMD Vũng Áng 1 vào ngày 19/9/2021 có ảnh

hưởng lớn tới kết quả SXKD năm 2022 của PV Power. Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và ủy quyền Tổng giám đốc Tổng công ty chủ động xử lý các nội dung liên quan với mục đích đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đáp ứng mục tiêu cao nhất về chất lượng và tiến độ. Hiện tại, Tổng công ty đang tập trung trong công tác lắp đặt thiết bị, khắc phục sự cố, dự kiến hoàn thành đưa tổ máy vào vận hành trong quý II/2023.

+ Công tác kế hoạch: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2022, năm 2023 của TCT, trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua làm cơ sở triển khai thực hiện; đã quyết định kế hoạch SXKD năm 2022 chi tiết/bổ sung chi phí kế hoạch tại cơ quan TCT và các đơn vị trực thuộc/đơn vị thành viên; chỉ đạo và triển khai quyết liệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đã giao chỉ tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh năm 2022 đối với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổng hợp số liệu, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện SXKD các năm so với Chiến lược SXKD 5 năm 2021 – 2025 của PV Power để có giải pháp điều chỉnh phù hợp.

+ Công tác tài chính: Năm 2022, Hội đồng quản trị đã (i) Chỉ đạo, tổ chức nhiều cuộc hội ý để thảo luận về các nội dung như phương án thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của Tổng công ty, cơ cấu vay vốn cho dự án Nhơn Trạch 3&4, phương án dòng tiền ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty; (ii) Phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mở tài khoản tiền gửi thanh toán và hạn mức đầu tư tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng công ty; Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn - Thông qua việc mở/duy trì hạn mức tín dụng tài trợ vốn lưu động luân chuyển của Công ty mẹ; Thông qua các nội dung liên quan đến công tác thu xếp vốn cho các dự án đầu tư của Tổng công ty theo đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc; (iii) Chỉ đạo Tổng công ty tiếp tục bám sát, đôn đốc để thu hồi công nợ tiền điện hàng tháng của các NMD đầy đủ và đúng hạn; (iv) Chỉ đạo tiếp tục thực hiện nghiêm túc các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra, kiểm tra của các cấp có thẩm quyền và các kiến nghị của Ban Kiểm soát Tổng công ty.

+ Công tác thương mại: Chỉ đạo ký kết hợp đồng mua bán điện của NMD Cà Mau 1&2, chỉ đạo các biện pháp xử lý tro xỉ của NMD Vũng Áng 1, xử lý kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền trong công tác mua sắm vật tư, hàng hóa, nhiên liệu (than, khí), dịch vụ...phục vụ vận hành, BDSC các NMD; Thực hiện tăng mạnh phân cấp cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực mua sắm dùng nguồn vốn SXKD, đảm bảo sự chủ động, kịp thời đáp ứng đủ vật tư, hàng hóa dịch vụ...thay thế trong quá trình BDSC, đủ nhiên liệu trong vận hành cho các NMD. Các NMD của PV Power đều được mua bảo hiểm nhằm giảm thiểu các

thiệt hại khi có sự cố/rủ ro xảy ra. Hội đồng quản trị đã báo cáo về kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán khí GSA Nhà máy điện Cà Mau 1&2 theo Nghị quyết số 81/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/06/2020 như sau: Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Tổng công ty, ĐHĐCĐ đã thông qua việc mua khí bổ sung cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 từ nguồn khí mua của Petronas (Malaysia) và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Hợp đồng liên quan. Trên cơ sở ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị PV Power đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-ĐLĐK ngày 06/7/2022 về việc thông qua các nội dung chính của Hợp đồng mua bán khí của NMD Cà Mau 1&2, đồng thời giao Tổng giám đốc PV Power chỉ đạo các bộ phận liên quan rà soát, hoàn thiện và ký kết Hợp đồng mua bán khí của Nhà máy điện Cà Mau 1&2. Hợp đồng mua bán khí mới được xây dựng trên nguyên tắc Giữ nguyên các điều khoản đang áp dụng và còn hiệu lực của Hợp đồng mua bán khí hiện hữu là hợp nhất các quy định của Hợp đồng mua bán khí hiện hữu đã được PV Power thông báo rộng rãi với Đại hội đồng cổ đông và Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung từ Petronas. Giá trị mua khí theo hợp đồng mua khí mới: Tính theo lượng khí giao hàng năm thì tổng giá trị khí mua dự kiến là 45.993 tỷ đồng, chiếm 99,7% tổng giá trị tài sản PV Power (Tổng giá trị tài sản của PV Power tính đến ngày 31/12/2022 là 46.107 tỷ đồng). Nếu tính theo lượng khí nhận tối thiểu năm (lượng khí bao tiêu) = 90% lượng khí giao hàng năm thì tổng giá trị khí mua dự kiến là 41.892 tỷ đồng, chiếm 90,8% tổng giá trị tài sản PV Power.

+ Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm của TCT: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch, Dự án Thủy điện Luang Prabang, Dự án trụ sở làm việc, Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh...Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức nhiều phiên họp và giao ban hàng tháng về tình hình thực hiện dự án để có những chỉ đạo kịp thời. Hội đồng quản trị đã (i) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu EPC Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (các nội dung chính của Hợp đồng EPC) và Tổng công ty đã ký hợp đồng vào ngày 14/3/2022; (ii) Điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 (lần 5); (iii) Phê duyệt bổ sung Nhà thầu phụ/Nhà cung Cấp/Nhà sản xuất của Hợp đồng EPC; (iv) Phê duyệt mốc tiến độ chính của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; (v) Phê duyệt Dự toán chi phí quản lý dự án.

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã xây dựng chương trình công tác trọng tâm của năm 2022 (Nghị quyết số 05/NQ-ĐLĐK ngày 19/01/2022). Việc chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị đối với các mặt hoạt động sản xuất kinh



doanh của Tổng công ty bám sát nội dung chương trình công tác trọng tâm và đã đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác trọng tâm. Năm 2022, Tổng công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao về các chỉ tiêu sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu. Một số nhiệm vụ công tác năm 2022 cần tiếp tục thực hiện trong năm 2023: (1) Chỉ đạo xây dựng, sớm phê duyệt và áp dụng định mức BDSC định kỳ, định mức vật tư tồn kho và định mức hao hụt than trong quá trình tiếp nhận, tồn trữ và sử dụng của NMD Vũng Áng 1; (2) Chỉ đạo và giám sát công tác tổ chức thực hiện đầu tư dự án NMD Nhơn Trạch 3 & 4 theo kế hoạch và tiến độ đề ra, chỉ đạo ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng mua bán khí (GSA), công tác thu xếp vốn cho dự án NMD Nhơn Trạch 3 & 4; (3) Công tác thu hồi công nợ của EVN/EPT; (4) Công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành tại Công ty CP thủy điện Đắkdrinh; (5) Ban hành Quy chế kiểm tra giám sát của Tổng công ty; (6) Công tác quyết toán cổ phần hóa; (7) chỉ đạo thực hiện Kế hoạch SXKD 5 năm 2021-2025, chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của Tổng công ty.

- Cơ cấu hiện nay của HĐQT: Thành viên độc lập HĐQT là 1 người/tổng số 7 thành viên HĐQT chưa phù hợp với cơ cấu thành viên HĐQT qui định tại điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và điều 26 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần.

## ***2.2. Hội đồng quản trị thực hiện giám sát tại các đơn vị, dự án của Tổng công ty:***

- Hội đồng quản trị Tổng công ty đã xây dựng chương trình công tác trọng tâm của năm 2022 (Nghị quyết số 05/NQ- ĐLDK ngày 19/01/2022). Trong đó đã xây dựng kế hoạch giám sát tại các đơn vị/ dự án của Tổng công ty với thời gian thực hiện và bộ phận thực hiện cụ thể.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát trực tiếp tại các đơn vị/ dự án như kế hoạch tại Chương trình công tác trọng tâm. Trên cơ sở Biên bản làm việc và Báo cáo kết quả làm việc của đoàn công tác, Hội đồng quản trị đã có văn bản chỉ đạo Ban Điều hành/NĐDPV tại các đơn vị thực hiện nội dung kết luận của đoàn công tác. Riêng chương trình giám sát tại PVPower Hà Tĩnh chuyển sang năm 2023 sau khi công tác sửa chữa, khắc phục sự cố tổ máy 1 của NMD Vũng Áng 1 được hoàn thành.

## **3. Kiến nghị**

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục làm việc với EVN về tỷ lệ phân bổ khí cho các hộ tiêu thụ tại Cà Mau nhằm giảm thiểu phần chênh lệch giá khí chưa được EVN/EPTC chấp thuận thanh toán.

- Phê duyệt và áp dụng định mức BDSC định kỳ các NMĐ, xây dựng định mức tồn kho và định mức hao hụt than của NMĐ Vũng Áng 1 nhằm phục vụ cho công tác mua sắm vật tư, tránh tình trạng ứ đọng vốn và chi phí bảo quản vật tư tồn trữ.

- Chỉ đạo thường xuyên cân đối dòng tiền trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn nhằm đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; cân đối nguồn vốn chủ, tiến độ thu xếp vốn vay phù hợp với tiến độ giải ngân vốn cho dự án Nhơn Trạch 3 & 4, có giải pháp dự phòng trong trường hợp chưa thu xếp đủ vốn theo tiến độ dự án.

- Chỉ đạo đàm phán và ký kết Hợp đồng mua bán điện (PPA), hợp đồng mua bán khí (GSA), công tác thu xếp vốn cho dự án NMĐ Nhơn Trạch 3&4.

- Ban hành quy chế kiểm tra giám sát của Tổng công ty.

- Chỉ đạo dứt điểm hoàn thành việc quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của NM thủy điện Đắkđrinh, Hủa Na theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo ĐHĐCĐ bổ sung Thành viên độc lập HĐQT đảm bảo phù hợp với qui định tại điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

**BÁO CÁO**  
**Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022**  
**của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP**

---

**I. Căn cứ.**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sửa đổi, bổ sung lần thứ ba) ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
- Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Kiểm soát viên Tổng công ty ĐLDKVN – CTCP được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 7750/QĐ-DKVN ngày 30/12/2022.

**II. Cơ sở thẩm định.**

- Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP do Deloitte phát hành theo thư kiểm toán số 0549/VN1A-HN-BC ngày 06/3/2023.
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP do Deloitte phát hành theo thư kiểm toán số 0550/VN1A-HN-BC ngày 03/3/2023.

**III. Nội dung thực hiện.**

- Rà soát việc trình bày các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập ngày 31/12/2022 đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Đánh giá việc lựa chọn, áp dụng các chính sách kế toán chủ yếu, tính phù hợp, nhất quán trong việc áp dụng các chính sách và tính hợp lý của các ước tính của Tổng Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.
- Xem xét, trao đổi với kiểm toán viên độc lập về những nội dung ngoại trừ, hoặc trọng yếu khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.

#### **IV. Giới hạn phạm vi thực hiện.**

- Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định trên cơ sở số liệu, báo cáo do Ban Tài chính Kế toán của Tổng công ty lập, cung cấp và không thực hiện xem xét hồ sơ, chứng từ kế toán chi tiết hình thành số liệu phản ánh trên Báo cáo tài chính của Tổng công ty.

- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên, các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.

#### **V. Kết quả thẩm định.**

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng các quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được thực hiện kiểm toán theo qui định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là đơn vị được chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 3 năm liên tiếp từ năm 2021 đến năm 2023 của Tổng công ty.

- Trong năm 2022, PV Power đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, chế độ tài chính, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; Mua bảo hiểm đầy đủ cho các tài sản thuộc sở hữu của PV Power theo quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

- Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ PV Power sau kiểm toán tại thời điểm 31/12/2022 không có ngoại trừ, kiểm toán độc lập chỉ nêu 01 vấn đề nhấn mạnh về việc tại ngày lập báo cáo tài chính năm 2022 các

cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trên BCTC hợp nhất Tổng công ty**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2021	Đánh giá
<b>I</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>				
1	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	56,15%	65,23%	Giảm
2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	43,85%	34,77%	Tăng
<b>II</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
1	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	41,45%	41,25%	Tăng
2	Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	58,55%	58,75%	Giảm
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,71	0,70	Tăng
<b>III</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>				
1	Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	2,41	2,42	Giảm
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,36	1,10	Tăng
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,34	0,99	Tăng
<b>V</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	9,0%	8,36%	Tăng
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,6%	3,83%	Tăng
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,9%	6,58%	Tăng

❖ **Tổng doanh thu:** Tổng doanh thu hợp nhất năm 2022 đạt 28.736,48 tỷ đồng (trong đó: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 28.224,12 tỷ đồng, doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 445,22 tỷ đồng và thu nhập khác đạt 67,14 tỷ đồng), tăng 3.465,83 tỷ đồng, tương đương tăng 13,71% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân tăng do sản lượng điện tại các nhà máy Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Thủy điện Đăkđrinh, Hòa Na đều tăng do các ngành sản xuất và dịch vụ bắt đầu được khôi phục dẫn đến nhu cầu điện tăng cao, điều kiện thủy văn tại các nhà máy thủy điện tốt, việc phân tích, đánh giá thị trường và chào giá tận dụng được những thời điểm giá thị trường tăng cao.

❖ **Tổng lợi nhuận:** Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2022 đạt 2.809,23 tỷ đồng, tăng 469,93 tỷ đồng, tương đương với tăng 20,09% so với cùng kỳ năm 2021. Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2022 đạt 2.552,93 tỷ đồng, tăng 500,77 tỷ đồng, tương đương tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2021.

❖ **Cơ cấu tài sản:** Tổng tài sản hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022 là 56.843,24 tỷ đồng, tăng 3.866,33 tỷ đồng, tương đương tăng 7,3% so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó, tài sản dài hạn là 31.918,16 tỷ đồng, chiếm 56,15% trong tổng tài sản, giảm 7,64% so với thời điểm 31/12/2021; tài sản ngắn hạn là 24.925,08 tỷ đồng, chiếm 43,85% trong tổng tài sản, tăng 35,31% so với thời điểm 31/12/2021. Tổng tài sản hợp nhất tăng chủ yếu ở các khoản mục Các khoản phải thu ngắn hạn (tăng 6.738,13 tỷ đồng); Trả trước cho người bán (tăng 1.892,4 tỷ đồng); Đầu tư tài chính ngắn hạn (tăng 1.118,59 tỷ đồng); Tài sản dở dang dài hạn (tăng 530,21 tỷ đồng), giảm chủ yếu ở các khoản mục, tài sản cố định (giảm 2.713,71 tỷ đồng), Tài sản ngắn hạn khác (giảm 1.627,88 tỷ đồng).

Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng (BCTC Hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2022 là 9.767,63 tỷ đồng, chiếm 22,06% tổng tài sản, tăng 6.738,13 tỷ đồng, tương đương với tăng 116,19% so với thời điểm 31/12/2021. Riêng công nợ phải thu đối với EVN/EPTC tại 31/12/2022 là 9.689,59 tỷ đồng, tương đương 99,2% tổng nợ phải thu khách hàng, tăng 4.425,73 tỷ đồng so với tại thời điểm 31/12/2021. Nợ phải thu quá hạn là 150,82 tỷ đồng, chiếm 1,5% trên tổng công nợ phải thu khách hàng, tăng 17,35 tỷ đồng so với nợ xấu tại thời điểm 31/12/2021. Các khoản nợ phải thu quá hạn đều đã được đơn vị trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị trích lập đến 31/12/2022 là 98,69 tỷ đồng.

Trả trước cho người bán tại thời điểm 31/12/2022 đạt 2.074,5 tỷ đồng, tăng 1.892,4 tỷ đồng so với 31/12/2021 chủ yếu do Tổng công ty thực hiện tạm ứng hợp đồng EPC của dự án NMT Nhơn Trạch 3&4 cho các nhà thầu Samsung C&T (1.171 tỷ đồng), Lilama Việt Nam (740 tỷ đồng). Tài sản dở dang dài hạn cũng tăng chủ yếu do ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang dự án đầu tư xây dựng NMT Nhơn Trạch 3&4 trong kỳ là 613,4 tỷ đồng. Tại thời điểm lập BCTC, dự án đang ở giai đoạn xử lý nền để chuẩn bị xây dựng.

Đầu tư tài chính ngắn hạn (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2022 là 1.649,81 tỷ đồng, tăng 1.118,59 tỷ đồng tương đương tăng 210,57% so với thời điểm 31/12/2022. Đây là các khoản tiền gửi tại các NHTM với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, trong đó có 314,5 tỷ đồng có tính thanh khoản không cao do gửi có kỳ hạn tại Techcombank và An Bình bank để bảo lãnh cho khoản vay dài hạn và phát hành trái phiếu doanh nghiệp của công ty con.

Hàng tồn kho (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2022 là 2.085,77 tỷ đồng, tăng 248,01 tỷ đồng, tương ứng tăng 13,5% so với thời điểm 31/12/2021. Hàng tồn kho chủ yếu bao gồm: (i) 2.020,56 tỷ đồng giá trị nhiên liệu (Dầu DO, than) và các nguyên, nhiên liệu phục vụ vận hành các NMD của TCT và giá trị vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp tuabin khí tại NMD Cà Mau 1, 2, Nhơn Trạch 2 theo hợp đồng bảo trì dài hạn; (ii) 63,78 tỷ đồng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là CPSXKDDD của CTCP DVKT Điện lực Dầu khí thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy điện trong và ngoài TCT. Trong năm 2022, công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

❖ **Cơ cấu nguồn vốn:** Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn tăng nhẹ từ 41,25% (31/12/2021) lên 41,45% (31/12/2022), tương ứng tỷ lệ Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm nhẹ từ 58,75% (31/12/2021) xuống 58,55% (31/12/2022). Nguyên nhân do Nợ phải trả tăng 1.710,25 tỷ đồng, tương đương tăng 7,83% từ 21.851,54 tỷ đồng (31/12/2021) lên 23.561,79 tỷ đồng (31/12/2022) và Nguồn vốn chủ sở hữu tăng 2.156,07 tỷ đồng tương đương 6,93%, tăng từ 31.125,38 tỷ đồng (31/12/2021) lên 33.281,45 tỷ đồng.

Nợ phải trả (BCTC hợp nhất) tại thời điểm 31/12/2022 là 23.561,79 tỷ đồng, tăng 1.710,25 tỷ đồng, tương đương tăng 7,83% so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó, nợ phải trả người bán ngắn hạn là 7.346,4 tỷ đồng, nợ phải trả các tổ chức tín dụng là 9.017,06 tỷ đồng. Nợ phải trả tăng tập trung ở khoản: Chi phí phải trả ngắn hạn (tăng 913,98 tỷ đồng), Phải trả người bán ngắn hạn (tăng 106,4 tỷ đồng), phải trả ngắn hạn khác (tăng 300,5 tỷ đồng), nợ phải trả các tổ chức tín dụng (tăng 559,25 tỷ đồng), và giảm tập trung ở khoản dự phòng phải trả (giảm 210,36 tỷ đồng). Việc thanh toán nợ phải trả được đảm bảo trên cơ sở cân đối dòng tiền.

Chi phí phải trả ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 1.931,21 tỷ đồng. Chi phí phải trả tăng chủ yếu là do tiền khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho NMD Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tăng 876,51 tỷ đồng.

Tổng nợ phải trả các TCTD tại thời điểm 31/12/2022 là 9.017,07 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn 5.635,22 tỷ đồng (trong đó vay vốn lưu động ngắn hạn là 2.896,02 tỷ đồng, vay dài hạn đến hạn trả bao gồm cả trái phiếu phát hành đến hạn là 1.872,48 tỷ đồng), vay dài hạn bao gồm cả trái phiếu phát hành chưa đến hạn là 3.381,85 tỷ đồng. Khoản vay ngắn hạn là các khoản vay vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty. Các khoản vay và nợ dài hạn của

Tổng công ty là giá trị các khoản vay dài hạn để đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Hòa Na, Đắkđrinh, NMND Vũng Áng 1.

❖ **Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:** thời điểm 31/12/2022 là 0,71 lần (không vượt quá 3 lần theo quy định).

❖ **Hệ số bảo toàn vốn:** tại thời điểm 31/12/2022 là 1,07 lần. (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2022 là 33.281,45 tỷ đồng/Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2021 là 31.125,38 tỷ đồng). Cho thấy Tổng công ty PV Power bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

❖ **Tỷ suất lợi nhuận (BCTC hợp nhất):** Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) là 9%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) là 7,9%; tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là 4,6%. Các chỉ số ROA, ROE đều tăng so với cùng kỳ 2021 do lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng so với cùng kỳ 2021.

❖ **Hệ số thanh toán:** Tại thời điểm 31/12/2022, hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 2,41 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,36 lần. Hệ số thanh toán nhanh là 1,34 lần. Ngoài hệ số khả năng thanh toán tổng quát giảm nhẹ, các hệ số còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2021 và đều  $\geq 1$ , thể hiện tình hình tài chính của Tổng công ty là lành mạnh, an toàn.

## 2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty mẹ PV Power

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2021	Đánh giá
<b>I</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>				
1	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	58,51%	64,87%	Giảm
2	Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	41,49%	35,13%	Tăng
<b>II</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
1	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	39,53%	37,47%	Tăng
2	Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	%	60,47%	62,53%	Giảm
3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,65	0,60	Tăng
<b>III</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>				
1	Hệ số khả năng thanh toán nợ tổng quát	Lần	2,53	2,67	Giảm
2	Hệ số khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,18	Tăng
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	1,06	Tăng
<b>V</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				



1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)	%	5,5%	9,29%	Giảm
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,2%	3,64%	Giảm
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	3,524%	5,85%	Giảm

❖ **Tổng doanh thu:** Tổng doanh thu Công ty mẹ - PV Power trong năm 2022 đạt 18.236,84 tỷ đồng (bao gồm doanh thu từ HĐ SXKD chính đạt 17.490,63 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 687,52 tỷ đồng và thu nhập khác đạt 58,69 tỷ đồng), tăng 123,08 tỷ đồng, tương đương với tăng 0,68% so với cùng kỳ năm 2021.

Doanh thu Công ty mẹ tăng do (i) Sản lượng điện sản lượng điện tại các nhà máy Nhơn Trạch 1 tăng do các ngành sản xuất và dịch vụ bắt đầu được khôi phục dẫn đến nhu cầu điện tăng cao, bên cạnh đó công tác phân tích, đánh giá thị trường và chào giá tận dụng được những thời điểm giá thị trường tăng cao vừa giúp tăng sản lượng điện phát và tối ưu lợi nhuận; (ii) Thu nhập khác tăng 50,59 tỷ đồng do có khoản thu nhập từ bồi thường bảo hiểm sự cố tại NMĐ Vũng Áng 1 là 19,64 tỷ và các thu nhập khác tăng 28,73 tỷ đồng. Tuy nhiên doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ năm 2022 cũng bị ảnh hưởng bởi khả năng cấp khí cho NMĐ Cà Mau thấp trong các tháng 3,4,5,9,10, chưa phù hợp sản lượng điện hợp đồng Qc dẫn đến sản lượng điện của NMĐ Cà Mau sụt giảm 533 tr.kWh so với năm 2021; sự cố tuabin nhà máy số 1 NMĐ Vũng Áng 1, sự cố thùng ống lò làm tổ máy S2 phải ngừng từ 14/10 đến 27/10 mới được huy động và thiếu than từ 24/3 – Tháng 6/2022 làm sản lượng điện NMĐ Vũng Áng 1 giảm 2.236 tr.KWh so với năm 2021.

Doanh thu tài chính năm 2022 đạt 687,52 tỷ đồng, giảm 355,98 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Các yếu tố chủ yếu của việc giảm sút doanh thu tài chính: (i) Cổ tức lợi nhuận được chia giảm 3,58 tỷ; (ii) Lãi tiền gửi ngân hàng giảm 16,75 tỷ đồng; (iii) Lãi chuyển nhượng vốn giảm 356,65 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 do trong năm 2021 PVPower thực hiện thoái hết phần vốn góp tại CTCP PVMachino, năm nay không có hoạt động thoái vốn nào đáng kể; (iii) Doanh thu hoạt động tài chính tăng chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá tăng 21,76 tỷ đồng.

❖ **Tổng lợi nhuận :** Tổng lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ trong năm 2022 đạt 1.110,01 tỷ đồng, giảm 706,21 tỷ đồng, tương đương giảm 38,88% so

với cùng kỳ 2021; Tổng lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ trong năm 2022 đạt 967,96 tỷ đồng, giảm 616,52 tỷ đồng, tương đương với giảm 38,91% so với cùng kỳ năm 2021. Lợi nhuận giảm so với năm 2021 do doanh thu từ hoạt động tài chính giảm sút giảm, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính tăng không bù đắp được mức tăng của chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 632,82 tỷ đồng, tăng 679,24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân là do năm 2021 có khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi từ EPTC/EVN 732 tỷ đồng tương ứng với khoản công nợ phải thu đã nhận được từ EPTC/EVN, còn các khoản mục chi phí quản lý khác công ty đều thực hiện chủ trương tiết kiệm, tiết giảm.

❖ **Cơ cấu tài sản Công ty mẹ:** Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022 là 46.106,8 tỷ đồng, tăng 2.832,36 tỷ đồng, tương đương tăng 6,55% so với thời điểm 31/12/2021. Trong đó, tài sản dài hạn chiếm 58,51% trong tổng tài sản, giảm 3,91% so với thời điểm 31/12/2021; tương ứng tài sản ngắn hạn chiếm 41,49% trong tổng tài sản, tăng 25,85% so với thời điểm 31/12/2021. Tổng tài sản tăng chủ yếu ở các khoản mục: Các khoản phải thu ngắn hạn (tăng 5.914,73 tỷ đồng); tài sản dở dang dài hạn (tăng 533,13 tỷ đồng); hàng tồn kho (tăng 243,98 tỷ đồng), và giảm chủ yếu ở các khoản mục: Tiền và các khoản tương đương tiền (giảm 360,96 tỷ đồng), tài sản ngắn hạn khác (giảm 1.596,33 tỷ đồng); tài sản cố định (giảm 1.529,95 tỷ đồng), đầu tư tài chính ngắn hạn (giảm 271,72 tỷ đồng).

Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm 31/12/2022 là 7.524,4 tỷ đồng, giảm 360,96 tỷ đồng, tương đương giảm 4,58% so với thời điểm 31/12/2021. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 239,9 tỷ đồng, giảm 271,72 tỷ đồng, tương đương giảm 53,11% so với thời điểm 31/12/2021. Nguyên nhân do khoản công nợ tiền điện của EPTC/EVN tăng cao, ảnh hưởng đến dòng tiền của PV Power, do đó PVPower đã phải cân đối lại các khoản tiền gửi có kỳ hạn để bảo đảm khả năng trả nợ và phục vụ cấp vốn cho các đơn vị thành viên, sử dụng vay vốn lưu động để chi trả toàn bộ tiền nhiên liệu khí, than dầu.

Nợ phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 9.244,18 tỷ đồng, tăng 5.914,73 tỷ đồng, tương đương tăng 177,65% so với thời điểm 31/12/2021. Nợ phải thu khách hàng là 6.486,26 tỷ đồng, trong đó khoản phải thu lớn nhất là 6.415,87 tỷ đồng phải thu Công ty mua bán điện EPTC/EVN (tiền điện chưa thu được từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2022 của Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau,

Nhon Trạch 1 và Hà Tĩnh), tăng 3.562,68 tỷ đồng, tương đương tăng 124,87 % so với tại thời điểm 31/12/2021. Trong năm 2022 việc thu tiền điện của EVN/EPTC vẫn tiếp tục chậm trễ từ 10 ngày đến 40 ngày. Nợ phải thu quá hạn là 63,28 tỷ đồng chiếm 0,68% trên tổng công nợ phải thu, trong đó công nợ quá hạn của EPTC/EVN là 33,6 tỷ đồng chiếm 53,1% công nợ quá hạn nhưng đã giảm 71% so với dư nợ quá hạn ngày 31/12/2021, đây là khoản chênh lệch đơn giá cước vận chuyển khí của NMD Nhơn Trạch 1 do EPTC-EVN chỉ chấp nhận thanh toán cho PVPower tiền điện với đơn giá cước vận chuyển Phú Mỹ-HCM là 0,396 USD/MM.BTU trong khi PVPower mua khí từ PVGas với đơn giá 0,53USD/MM.BTU. Các khoản nợ phải thu quá hạn đều đã được đơn vị trích lập dự phòng đầy đủ với tổng giá trị trích lập đến 31/12/2022 là 50,43 tỷ đồng, trong đó giá trị trích lập cho khoản phải thu EPTC/EVN là 21,47 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2022 là 388,68 tỷ đồng, giảm 1.596,33 tỷ đồng tương đương giảm 80,42% so với thời điểm 31/12/2021. Nguyên nhân do chi phí trả trước ngắn hạn giảm 1.533,22 tỷ đồng, PVPower ghi giảm phần chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước tại ngày 31/12/2021 của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 phản ánh phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu với PVGas. Theo các Phụ lục hợp đồng bổ sung của Hợp đồng mua bán khí và các Công văn có liên quan trong năm 2022, các bên thống nhất không áp dụng điều khoản về khí bao tiêu trong Hợp đồng mua bán khí từ năm 2022 và giảm trừ phần khí bao tiêu của giai đoạn từ năm 2021 trở về trước. PVGas đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng điều chỉnh phần chi phí nhiên liệu khí bao tiêu được giảm trừ đã xuất hóa đơn trước đó trong năm 2022. Theo đó, PVPower đã ghi giảm phần chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước được giảm trừ và công nợ phải trả tương ứng với PVGas trong năm 2022.

Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2022 là 1.734,83 tỷ đồng, tăng 243,98 tỷ đồng, tương ứng tăng 16,37% so với thời điểm 31/12/2021. Phát sinh tăng hàng tồn kho chủ yếu do nguyên nhiên liệu, vật liệu (than, dầu) sử dụng trong quá trình vận hành NMD Vũng Áng 1 và mua sắm vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng NMD. Trong 6 tháng đầu năm 2022, lượng than tồn kho cho NMD Vũng Áng 1 luôn ở mức rất thấp, ảnh hưởng đến độ khả dụng của tổ máy, buộc nhà máy phải giảm công suất, làm giảm sản lượng điện sản xuất trong kỳ và không tận dụng được lợi thế chào giá để phát điện nhưng sang quý 3/2022, lượng than đã ổn định hơn và đang được dự trữ cho mùa mưa bão trong trường hợp gió mùa đông bắc tàu không thể cập cảng giao than. Phát sinh giảm hàng tồn

kho trong kỳ chủ yếu do tiêu hao vật tư phục vụ sửa chữa bảo dưỡng và khắc phục sự cố các NMD. Trong năm 2022 công ty không thực hiện trích lập giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2022 là 19.607,31 tỷ đồng, giảm 1.529,95 tỷ đồng, tương đương giảm 7,24% so với tại thời điểm 31/12/2021, chủ yếu do khấu hao tài sản. Trong năm 2022 số tài sản mua sắm tăng 36,35 tỷ đồng, xây dựng cơ bản bàn giao tăng 27,52 tỷ. Tháng 9/2021, Tổ máy 1 - Nhà máy điện Vũng Áng 1 xảy ra sự cố phải dừng phát điện để phục vụ sửa chữa. Tại thời điểm này, Tổ máy số 1 vẫn đang trong quá trình sửa chữa, dự kiến cuối tháng 5/2023 sẽ được vận hành trở lại. Chi nhánh Hà Tĩnh đang trích khấu hao của Tổ máy số 1 nói trên trong thời gian tạm dừng chờ khắc phục sự cố vào giá vốn phát sinh với giá trị khoảng 399 tỷ đồng trong năm 2022 (khoảng 34 tỷ đồng/tháng). Theo quy định của Thông tư hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khấu hao tổ máy số 1 cho giai đoạn tạm dừng sửa chữa có khả năng không được khấu trừ cho mục đích thuế TNDN.

Tài sản dở dang dài hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 903,14 tỷ đồng, tăng 533,13 tỷ đồng, tương đương tăng 144,08% so với tại thời điểm 31/12/2020 do PVPower triển khai dự án NMD Nhơn Trạch 3&4, đầu tư trụ sở làm việc của PVPower, đại tu NMD Vũng Áng 1, trung tu NMD Nhơn Trạch 1, nạo vét tuyến luồng vùng đậu quay tàu ra vào cảng VA1... Một số công trình xây dựng cơ bản dở dang như: dự án Thủy điện Luang Prabang (131,56 tỷ đồng), Dự án NMND Khí Nhơn Trạch 3,4 (729,55 tỷ đồng), Dự án Tiểu khu 2 Nhơn Trạch (25,7 tỷ đồng), các dự án khác (16,23 tỷ đồng).

Đầu tư tài chính dài hạn: Tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn tại 31/12/2022 là 5.723,97 tỷ đồng, giảm 3,08 tỷ đồng do do thoái một phần vốn tại CTCP Điện Việt Lào và CTCP EVN Quốc tế theo Nghị quyết của HĐQT, tổng lãi từ thoái vốn là 1,64 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư vào các công ty con là 4.994,48 tỷ đồng, các công ty liên doanh liên kết là 335,18 tỷ đồng, đầu tư dài hạn khác là 394,32 tỷ đồng. Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn là 37,81 tỷ đồng, trong đó trích lập: PV Power REC là 13,04 tỷ đồng, Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí là 18,2 tỷ đồng, Công ty CP Cơ điện Dầu khí 260,2 triệu đồng, Công ty CP Thủy điện Sông Tranh 3 là 6,3 tỷ đồng. Trong năm 2022, Công ty mẹ - PV Power đã nhận được tiền cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đầu tư tài chính là 356,87 tỷ đồng, tương đương 6,2% giá trị gốc các khoản đầu tư.

❖ **Cơ cấu nguồn vốn:** Cơ cấu nguồn vốn biến động theo chiều hướng gia tăng mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn

tăng từ 37,47% (31/12/2021) lên 39,53% (31/12/2022) xuống. Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn giảm từ 62,53% (31/12/2021) xuống còn 60,47% (31/12/2022). Nợ phải trả tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 18.226,26 tỷ đồng, tăng 2.011,97 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021, nợ ngắn hạn chiếm đến 82,18% tổng giá trị nợ phải trả, nợ dài hạn chỉ chiếm 17,81% tổng nợ phải trả. Trong đó, nợ phải trả người bán là 6.580,5 tỷ đồng, nợ phải trả các tổ chức tín dụng là 6.004,54 tỷ đồng. Việc thanh toán nợ phải trả được đảm bảo trên cơ sở cân đối dòng tiền.

- Nợ ngắn hạn tại 31/12/2022 là 14.979,68 tỷ đồng, tăng 2.081,45 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021, bao gồm một số khoản mục lớn như:

+ Khoản phải trả người bán ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2022 là 6.580,51 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm ngoái 496,65 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả tiền khí và than là 5.423,19 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả tiền khí nhà máy điện Nhơn Trạch 1 phải trả PVGas là 756,69 tỷ đồng, tiền khí nhà máy điện Cà Mau còn phải trả PVN là 4.373,55 tỷ đồng, tiền than nhà máy điện Vũng Áng 1 phải trả TKV là 207,65 tỷ đồng và phải trả Đanka là 85,3 tỷ đồng. Các khoản nợ này phát sinh do tiền than chưa đến hạn thanh toán, các khoản công nợ tiền điện tương ứng với tiền khí phải trả chưa được EPTC/EVN thanh toán đúng hạn trong đó có một phần tiền điện PVPower không được EVN chấp nhận thanh toán do EVN không đồng ý thực hiện nguyên tắc phân bổ khí do HĐTV PVN ban hành. Hiện nay PVPower và PVN đang tích cực xử lý vấn đề này.

+ Phải trả ngắn hạn khác đến thời điểm 31/12/2022 là 2.616,64 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước 299,02 tỷ đồng chủ yếu do ghi nhận khoản PVI tạm ứng bồi thường các tổn thất về gián đoạn kinh doanh và tổn thất vật chất cho sự cố Tổ máy số 1 thuộc nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Theo Thư chấp nhận tạm ứng bồi thường, PVI đồng ý tạm ứng cho PVPower số tiền là 15 triệu USD (không bao gồm thuế giá trị gia tăng). Tính đến 31/12/2022, PVI đã thanh toán cho Tổng Công ty số tiền là khoảng 11,7 triệu USD, tương ứng với 279,98 tỷ đồng. PVI đang làm việc với Tổng Công ty, các Công ty tái bảo hiểm, Công ty giám định độc lập và các bên liên quan để xác định phạm vi và số tiền bảo hiểm (nếu có) và số tiền bảo hiểm cuối cùng sẽ tùy thuộc vào kết quả thống nhất giữa các bên. Do chưa có kết quả thống nhất, PVPower ghi nhận khoản tiền PVI đã thanh toán là một khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính. Khoản phải trả ngắn hạn khác lớn nhất là khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam 2.242,59 tỷ đồng bao gồm: 1.214,42 tỷ đồng lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 và khoản

chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng PPA NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2016, 2017 với giá trị 1.028,17 tỷ đồng.

- Nợ dài hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 3.246,58 tỷ đồng, giảm 69,48 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021 do giảm nợ vay dài hạn và tăng dự phòng phải trả.

+ Nợ vay các TCTD dài hạn đến 31/12/2022 là 1.395,36 tỷ đồng, giảm 571,79 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021.

+ Dự phòng phải trả dài hạn tăng 502,3 tỷ đồng do phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa TCT trích trước cho NMNĐ Cà Mau 1&2, NMNĐ Nhơn Trạch 1 và NMNĐ Vũng Áng 1. Tổng chi phí trích trước đến 31/12/2022 là 1.938,82 tỷ đồng, số đã trích trong kỳ là 557,12 tỷ đồng, số đã sử dụng trong kỳ là 767,48 tỷ đồng cho đại tu NMNĐ Cà Mau.

❖ **Hệ số bảo toàn vốn:** tại 31/12/2022 là 1,03 lần. (Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2022 là 27.880,54 tỷ đồng/ Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2021 là 27.060,16 tỷ đồng).

❖ **Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu:** thời điểm 31/12/2022 là 0,65 lần < 1, cho thấy khả năng tài chính an toàn và lành mạnh.

❖ **Các tỷ suất lợi nhuận:**

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS): 5,5% nghĩa là 100 đồng doanh thu sẽ mang lại 5,5 đồng lợi nhuận sau thuế;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): 3,5% nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu sẽ tạo ra 3,5 đồng lợi nhuận sau thuế;

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA): 2,2% nghĩa là 100 đồng tài sản của công ty sẽ tạo ra 2,2 đồng lợi nhuận sau thuế.

Các chỉ số này đều giảm so với cùng kỳ 2021 do lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2022 giảm 38,91% so với lợi nhuận sau thuế năm 2021, trong đó ROS và ROE giảm nhiều là do lợi nhuận sụt giảm trong khi VCSH và tổng tài sản đều gia tăng. Do công ty đang trong quá trình đầu tư các dự án nên giải ngân vốn, gia tăng tài sản nhưng tài sản chưa sinh lời, bên cạnh đó một số tài sản tồn đọng (như hàng tồn kho, dự án Luang Prabang...), chưa tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của tài sản.

❖ **Hệ số thanh toán:** Tại thời điểm 31/12/2022, hệ số thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả) là 2,53 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,28 lần. Hệ số thanh toán nhanh là 1,16. Các hệ số này đều >1 và cao hơn thời điểm 31/12/2021 thể hiện công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ và

tình hình tài chính của Công ty mẹ - PV Power ngày càng trở nên lành mạnh, an toàn hơn.

### **3. Kiến nghị**

Hội đồng quản trị PV Power tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ:

- Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty theo hướng hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các khoản công nợ quá hạn nhằm tăng khả năng thanh toán, cân đối dòng tiền.

- Rà soát chất lượng và đánh giá tính phù hợp của vật tư tồn kho hiện hữu, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và ban hành định mức vật tư tồn kho các nhà máy điện đối với vật tư tiêu hao và vật tư cho công tác bảo dưỡng định kỳ, làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm vật tư phù hợp.

- Đối với trích trước chi phí sửa chữa lớn các NMD, cần lưu ý tính đến việc cân đối phù hợp với dự toán và mức tiến độ sửa chữa lớn các NMD, , đảm bảo số trích trước phù hợp với chi phí thực tế phát sinh, có đầy đủ căn cứ pháp lý.

- Đẩy nhanh tiến độ công tác thu xếp vốn, chuẩn bị kỹ bộ điều kiện giải ngân của các khoản vay cho dự án Nhơn Trạch 3&4 đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế, đảm bảo tính khả thi của các điều kiện giải ngân để tiến độ giải ngân phù hợp với tiến độ thanh toán với các nhà thầu

- Đối với công tác quản lý dòng tiền: Tiếp tục cập nhật, chủ động xây dựng các kịch bản đối phó với các rủi ro làm ảnh hưởng đến dòng tiền, đề ra các giải pháp tài chính cân đối dòng tiền hữu hiệu và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, phương án thu xếp vốn đảm bảo an toàn, tối ưu, cân đối đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động đầu tư dự án, sản xuất kinh doanh.

- Do thị trường tài chính có nhiều biến động, khi kết thúc năm tài chính, cần đánh giá lại mức độ tín nhiệm, năng lực tài chính của các TCTD để xem xét việc gửi tiền có kỳ hạn, đảm bảo quản trị rủi ro ở mức tối đa.

- Liên quan đến chi phí khấu hao tổ máy số 1 NMD Vũng Áng 1 cho giai đoạn tạm dừng sửa chữa, cần lưu ý tính đúng, tính đủ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp NSNN phù hợp với quy định tại Điều 6, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN.